

Bản án số: 21/2020/HS-PT
Ngày: 26 - 05 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thảo

Ông Tô Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 10/2020/TLPT - HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Đức T và Phạm Văn L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

***Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Trịnh Thị H sinh năm 1973: tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú tại xóm X, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị Y; có chồng Nguyễn Văn H1 và có 03 con lớn nhất 25 tuổi, nhỏ nhất 2 tuổi; tiền án không; tiền sự ngày: 14/6/2018 bị Công an tỉnh Ninh Bình xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; nhân thân: Năm 2013 bị Công an tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/05/2019 đến ngày 15/05/2019; chuyển tạm giam đến ngày 11/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; vắng mặt.

2. Trịnh Thị V, sinh năm 1976; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú tại số nhà 101, đường N, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị Y; có chồng Đặng Văn H, có 03 con lớn nhất 26 tuổi nhỏ nhất 08 tuổi; tiền sự không; tiền án không. Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

3. Phạm Văn L, sinh năm 1976; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú tại xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 04/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn K và bà Phạm Thị L; có vợ Phạm Thị T và có 04 con lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất

01 tuổi; tiền sự không; tiền án không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/05/2019 đến ngày 12/05/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Phạm Đức T, sinh năm 1973: tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú tại xóm N, xã K, huyện Y. tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn K và bà Phạm Thị L; có vợ Vũ Thị D và có 03 con lớn nhất 23 tuổi, nhỏ nhất 09 tuổi; tiền sự ngày 14/6/2018 bị Công an tỉnh Ninh Bình xử phạt 350.000 đồng về hành vi đánh bạc; tiền án không. Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Ngoài ra trong vụ án này còn có 02 bị cáo khác và 05 người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 10 phút 6/05/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình kiểm tra hành chính tại nhà H và nhà L phát hiện cả hai đang mua số lô số đề với nhau bằng cách nhắn tin qua điện thoại di động. Quá trình điều tra H khai nhận, lợi dụng việc làm đại lý xổ số cho Công ty xổ số kiến thiết Ninh Bình; H sử dụng điện thoại Samsung có 02 sim thuê bao gồm các số 0356932460 và 0352601952 nhắn tin mua, bán “số lô, số đề” cho V, T1, T, H1, L1, L, L2. Trong số những người trên có L, H1, L1 là thư ký giao nộp bảng lô đề cho H và được H trả tiền hoa hồng.

Hình thức chơi như sau: Đề 02 số người chơi mua 02 số bất kỳ, nếu trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì trúng thưởng tỉ lệ 01/80. Đề 03 số người chơi chọn 03 số bất kỳ, nếu trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì trúng thưởng tỉ lệ 01/400. Lô Hà Nội người chơi mua 01 điểm lô tương ứng với 23.000 đồng, độ với 27 giải, nếu trùng với 02 số cuối của bất kỳ giải xổ số nào, thì trúng thưởng và được hưởng 80.000 đồng/1 điểm. Lô xiên 2 người chơi mua 02 cặp số, mỗi cặp 02 số; nếu độ với 02 số cuối của 27 giải, nếu trúng được trả thưởng gấp 10 lần. Lô xiên 3 người chơi mua 03 cặp số, mỗi cặp 02 số, độ với 02 số cuối của 27 giải, nếu trúng được trả thưởng gấp 40 lần. Lô xiên 4 người chơi mua 04 cặp số, mỗi cặp 02 số, độ với 02 số cuối của 27 giải, nếu trúng được trả thưởng gấp 100 lần. Lô Ninh Bình người chơi mua 01 điểm lô tương ứng 20.000 đồng, người chơi mua 02 số bất kỳ nếu trùng với 02 số cuối của 27 giải thì trúng thưởng tỉ lệ 01/70. Hằng ngày sau khi có kết quả xổ số, các đối tượng sẽ đối chiếu, tính toán tiền mua, tiền trúng thưởng và thanh toán tiền cho nhau, để trả thưởng cho những người chơi trúng số lô, số đề; cụ thể như sau:

1. Ngày 09/4/2010 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 460.000 đồng, đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 800.000 đồng, các bên đã trả đủ tiền cho nhau. Như vậy, tổng số tiền T1 và H sử dụng để mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 1.260.000 đồng.

2. Ngày 10/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 545.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H sử dụng để mua bán số lô, số đề là 545.000 đồng.

3. Ngày 11/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền 808.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 800.000 đồng; các bên đã trả đủ tiền cho nhau. Như vậy, tổng số tiền T1 và H đã sử dụng để mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 1.608.000 đồng.

4. Ngày 12/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 800.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H đã sử dụng để mua bán số lô, số đề là 800.000 đồng.

5. Ngày 13/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 700.000 đồng T1 không trúng thưởng; T1 đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H sử dụng để mua bán số lô, số đề là 700.000 đồng.

6. Ngày 14/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H, với tổng số tiền là 614.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H sử dụng để mua bán số lô, số đề là 614.000 đồng.

7. Ngày 15/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H, với tổng số tiền là 720.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H sử dụng để mua bán số lô, số đề là 720.000 đồng.

8. Ngày 16/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H, với tổng số tiền là 312.000 đồng, đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 400.000 đồng; các bên đã trả đủ tiền cho nhau. Như vậy, tổng số tiền T1 và H đã sử dụng để mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 712.000 đồng.

9. Ngày 17/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 1.060.000 đồng, T1 không trúng thưởng; T1 đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H đã sử dụng để mua bán số lô, số đề là 1.060.000 đồng.

10. Ngày 18/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H, với tổng số tiền là 580.000 đồng, T1 không trúng thưởng, T đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H đã sử dụng để mua bán số lô, số đề là 580.000 đồng.

11. Ngày 19/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền 658.000 đồng. T1 không trúng thưởng, T1 đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H đã sử dụng để mua bán số lô, số đề là 658.000 đồng.

12. Ngày 20/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền 635.000 đồng. T1 không trúng thưởng, T1 đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, tổng số tiền T1 và H đã sử dụng để mua bán số lô, số đề là 635.000 đồng.

13. Ngày 21/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 545.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 400.000 đồng; các bên đã trả đủ tiền cho nhau. V nhắn tin mua số lô, số đề của H, với tổng số tiền là 595.000 đồng; V không trúng thưởng; V đã trả đủ tiền cho H. Như vậy, H đã sử dụng tổng số tiền mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 1.540.000 đồng; T1 sử dụng tổng số tiền để mua số lô, số đề là 945.000 đồng; V sử dụng tổng số tiền để mua số lô, số đề là 595.000 đồng.

14. Ngày 22/4/2019 T1 nhắn tin mua đề 2 số của H với tổng số tiền là 445.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 800.000 đồng; các bên đã trả đủ tiền cho nhau. V nhắn tin mua đề 2 số của H với tổng số tiền là 2.750.000 đồng (H chỉ nhận 2.337.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số V trúng thưởng 8.000.000 đồng; các bên đã trả đủ tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 11.582.500 đồng; T1 là 1.245.000 đồng; V là 10.337.500 đồng.

15. Ngày 23/4/2019 T1 nhắn tin mua đề 2 số, đề 3 số của H, với tổng số tiền là 370.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã trả đủ tiền cho H. V nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 5.810.000 đồng (H chỉ nhận 5.110.000 đồng); V không trúng thưởng; V đã trả đủ tiền cho H. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 438.400 đồng; T không trúng thưởng; T đã thanh toán tiền cho H. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề là 5.918.400 đồng; T1 là 370.000 đồng; V là 5.110.000 đồng; T là 438.400 đồng.

16. Ngày 24/4/2019 T1 nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 778.000 đồng, đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 800.000 đồng; hai bên đã trả đủ tiền cho nhau. V nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 3.110.000 đồng (H chỉ nhận 2.815.000 đồng), V không trúng thưởng; V đã trả đủ tiền cho H. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 337.500 đồng, đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 285.000 đồng; hai bên đã trả đủ tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng đề, bảng lô của khách cho H với tổng số tiền là 2.707.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 221.500 đồng), không trúng thưởng; hai bên đã trả đủ tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề với tổng số tiền là 7.722.500 đồng; T1 là 1.578.000 đồng; V là 2.815.000 đồng; T là 622.500 đồng, H1 là 2.707.000 đồng.

17. Ngày 25/4/2019 T1 nhắn tin mua đề 2 số của H với tổng số tiền là 1.140.000 đồng; không trúng thưởng; T1 đã thanh toán đủ tiền cho H. V nhắn tin mua số lô, số đề của H1 với tổng số tiền là 5.040.000 đồng (H1 chỉ nhận 4.480.000 đồng); không trúng thưởng; V đã thanh toán đủ tiền cho H. H1 nhắn tin chuyển bảng của khách cho H với tổng số tiền là 2.366.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 186.000 đồng); đối chiếu với kết quả xổ H1 trúng thưởng là 3.040.009 đồng), hai bên đã trả đủ tiền cho nhau. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 363.000 đồng; đối chiếu kết quả xổ số T trúng thưởng 340.000 đồng, hai bên đã trả đủ tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 11.729.000 đồng; T1 là 1.140.000 đồng; V là 4.480.000 đồng; H1 là 5.406.000 đồng; T là 703.000 đồng.

18. Ngày 26/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 755.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 800.000 đồng; hai bên thanh toán đủ tiền cho nhau. V nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 4.210.000 đồng (H chỉ nhận 3.750.000 đồng); V không trúng thưởng; V đã thanh toán đủ tiền cho H. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 317.300 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 105.000 đồng; hai bên đã thanh toán đủ tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền là 2.179.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 172.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số trúng thưởng là 2.640.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 10.546.300 đồng; T1 là 1.555.000 đồng; V là 3.750.000 đồng; T là 422.300 đồng, H1 là 4.819.000 đồng.

19. Ngày 27/4/2019 T1 nhắn tin mua đề 2 số của H với tổng số tiền là 534.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã trả đủ tiền cho H. V nhắn tin mua số lô số đề của H với tổng số tiền là 7.840.000 đồng (H chỉ nhận 6.410.000 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số V trúng thưởng 3.200.000 đồng; hai bên đã thanh toán đủ tiền cho nhau. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 341.000 đồng;

đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 500.000 đồng; hai bên đã thanh toán đủ tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền là 1.763.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 164.000 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số, H1 trúng thưởng là 480.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 13.228.000 đồng; T1 là 534.000 đồng; V là 9.610.000 đồng; T là 841.000 đồng; H1 là 2.243.000 đồng.

20. Ngày 28/4/2019 T1 nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 660.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã thanh toán tiền cho H. V nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 5.900.000 đồng (H chỉ nhận 5.137.500 đồng); V không trúng thưởng; V đã thanh toán tiền cho H. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 563.500 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 1.020.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền là 3.149.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 244.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số, trúng thưởng là 640.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 11.170.000 đồng; T1 là 660.000 đồng; V là 5.137.500 đồng; T là 1.583.500 đồng; H1 là 3.789.000 đồng.

21. Ngày 29/4/2019 T1 nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 685.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã thanh toán tiền cho H. V nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 6.950.000 đồng (H chỉ nhận 6.200.000 đồng), đối chiếu với kết quả xổ số V trúng thưởng 3.000.000 đồng; hai bên đã thanh toán hết cho nhau. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 287.000 đồng, đối chiếu kết quả xổ số T trúng thưởng 490.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền là 2.216.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 229.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số, trúng thưởng là 2.400.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 15.278.000 đồng; T1 là 685.000 đồng; V là 9.200.000 đồng; T là 777.000 đồng; H1 là 4.616.000 đồng.

22. Ngày 30/4/2019 T1 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 960.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã thanh toán tiền cho H. V nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 4.600.000 đồng (H chỉ nhận 3.520.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số V trúng thưởng 19.000.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 470.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 1.220.000 đồng; hai bên đã thanh toán đủ tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền là 1.307.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 100.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số, trúng thưởng là 400.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. L1 bán số lô, số đề cho anh M với tổng số tiền là 1.485.000 đồng và bán cho khách mua số lô, số đề khác; sau đó L1 nhắn tin bảng đề cho H với tổng số tiền 13.916.000 đồng (L1 được hưởng tiền hoa hồng là 1.161.500 đồng); đối chiếu kết quả xổ số, trúng thưởng là 3.080.000 đồng (M không trúng thưởng); L1 và H đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 43.873.000 đồng; T là 960.000 đồng; V là 22.520.000 đồng; T là 1.690.000 đồng; H là 1.707.000 đồng; L1 là 16.996.000 đồng.

23. Ngày 01/5/2019 T1 nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 1.025.000 đồng; T1 không trúng thưởng; T1 đã thanh toán tiền cho H. V nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 6.250.000 đồng (H chỉ nhận 5.530.000 đồng); V không trúng thưởng; V đã thanh toán tiền cho H. T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền 457.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 800.000 đồng; hai bên đã thanh toán đủ tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền là 1.564.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 166.000 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số, trúng thưởng là 160.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. L1 bán số lô, số đề cho chị L2 với tổng số tiền 3.000.000 đồng, và của khách mua số lô, số đề khác. Sau đó L1 nhắn tin chuyển bảng cho H với tổng số tiền 15.027.000 đồng (Lý được hưởng tiền hoa hồng là 1.439.200 đồng), đối chiếu với kết quả xổ số trúng thưởng là 7.210.000 đồng (trong đó L2 trúng thưởng 1.600.000đồng); hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 31.773.000 đồng: T1 là 1.025.000 đồng; V là 5.530.000 đồng; T là 1.257.000 đồng; H1 là 1.724.000 đồng; L1 là 22.237.000 đồng.

24. Ngày 02/5/2019 T1 nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 606.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số, T1 trúng thưởng 400.000 đồng; T1 đã thanh toán tiền cho H. V nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 2.500.000 đồng (H chỉ nhận 2.165.000 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số V trúng thưởng, 8.000.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau.

T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 771.500 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 940.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau.

H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền 1.446.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 133.750 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số trúng thưởng là 640.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. L1 bán số lô, số đề cho anh C với tổng số tiền là 150.000 đồng và của khách mua số lô, số đề khác.

Sau đó L1 nhắn tin chuyển bảng số lô, số đề cho H với tổng số tiền 14.379.000 đồng (L1 được hưởng tiền hoa hồng là 1.619.850 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số trúng thưởng là 3.900.000 đồng (C không trúng thưởng); hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 33.247.500 đồng; T1 là 1.006.000 đồng; V là 10.165.000 đồng, T là 1.711.500 đồng, H1 là 2.086.000 đồng; L1 là 18.279.000 đồng.

25. Ngày 3/5/2019 T1 nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 1.105.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 1.600.000 đồng, hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. V nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 3.750.000 đồng; (H chỉ nhận 2.677.500 đồng) đối chiếu với kết quả xổ số V trúng thưởng 2.000.000 đồng, hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. T nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền 683.500 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 400.000 đồng, hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền 1.985.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 212.000 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số trúng thưởng là 720.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. L1 bán số lô, số đề cho anh C với tổng số tiền là 150.000 đồng và bán cho khách mua số lô, số đề khác. Sau đó L nhắn tin chuyển

bảng số lô, số đề cho H với tổng số tiền 6.179.000 đồng (L1 được hưởng tiền hoa hồng là 672.350 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số trùng thưởng là 3.500.000 đồng (C không trùng thưởng); hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 20.850.000 đồng; T1 là 2.705.000 đồng; V là 4.677.500 đồng, T là 1.083.500 đồng, H1, là 2.705.000 đồng; L1 là 9.679.000 đồng.

26. Ngày 04/5/2019 T1 nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 512.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 1.200.000 đồng, hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. T nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 988.500 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 1.600.000 đồng, hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền 1.390.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 110.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số H1 trúng thưởng là 160.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. L1 bán số lô, số đề cho anh C với, tổng số tiền là 60.000 đồng và bán cho khách mua số lô, số đề khác. Sau đó L1 nhắn tin chuyển bảng số lô, số đề cho H với tổng số tiền 11.810.000 đồng (L1 được hưởng tiền hoa hồng là 849.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số L1 trúng thưởng là 6.140.000 đồng (C không trùng thưởng); hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 23.800.500 đồng; T1 là 1.712.000 đồng; T là 2.588.500 đồng, H là 1.550.000 đồng; L là 17.950.000 đồng.

27. Ngày 05/5/2019 T nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 500.000 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T1 trúng thưởng 4.000.000 đồng, hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. V nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền là 2.190.000 đồng; (H chỉ nhận 1.740.000 đồng) V không trúng thưởng, V đã thanh toán tiền cho H. T nhắn tin mua số đề của H với tổng số tiền 1.031.100 đồng; đối chiếu với kết quả xổ số T trúng thưởng 2.160.000 đồng, hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. H1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền 1.833.000 đồng (H1 được hưởng tiền hoa hồng là 174.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số trúng thưởng là 1.040.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. L nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền 13.680.000 đồng (L được hưởng tiền hoa hồng là 827.500 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số L trúng thưởng là 10.160.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. L1 nhắn tin chuyển bảng lô, bảng đề của khách cho H với tổng số tiền 8.473.000 đồng (L1 được hưởng tiền hoa hồng là 788.700 đồng); đối chiếu với kết quả xổ số L trúng thưởng là 13.850.000 đồng; hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 58.467.109 đồng; T1 là 4.500.000 đồng; V là 1.740.000 đồng; T là 3.191.100 đồng; H1 là 2.873.000 đồng; L là 23.840.000 đồng; L1 là 22.323.000 đồng.

28. Ngày 06/5/2019 T nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 1.429.000 đồng; T không trúng thưởng; T chưa thanh toán tiền cho H. L nhắn tin chuyển bảng số lô, số đề của khách cho H với tổng số tiền là 9.200.000 đồng (L được hưởng tiền hoa hồng là 471.500 đồng); không trúng thưởng; L chưa thanh toán tiền cho H. L2 nhắn tin mua số lô, số đề của H với tổng số tiền là 700.000 đồng; L2 không trúng thưởng; L2 chưa thanh toán tiền cho H. L1 bán số lô, số đề cho anh M với số tiền là 1.485.000 đồng và bán cho khách mua số lô, số đề khác. Sau đó L1 nhắn tin chuyển bảng số lô, số đề cho H với tổng số tiền đánh bạc là

5.019.000 đồng (L1 được hưởng tiền hoa hồng là 613.000 đồng); không trúng thưởng; hai bên chưa thanh toán tiền cho nhau. Như vậy, H tham gia mua bán số lô, số đề và trả thưởng là 16.348.000 đồng, T là 1.429.000 đồng; L là 9.200.000 đồng; L2 là 700.000 đồng; L1 là 5.019.000 đồng.

Quá trình điều tra thu giữ 09 điện thoại gồm: Của H 01 điện thoại Samsung, có 2 sim thuê bao là số 0356932460 và số 0352601952; của L 01 điện thoại Nokia có sim thuê bao số 0349491816; của T 01 điện thoại Samsung có 2 sim thuê bao là số 0943641035 và số 0397310018; của H1 01 điện thoại Nokia có sim thuê bao số 0972616863; của T1 01 điện thoại Masstel có sim thuê bao số 0917864067; của L2 01 điện thoại Samsung có sim thuê bao số 0986051313; của M 01 điện thoại Nokia có sim thuê bao số 0888212863; của Lý 02 điện thoại là Iphone có sim thuê bao số 0856060319 và 01 điện thoại Nokia có sim thuê bao số 0963648873. Thu giữ số tiền của H tự nguyện giao nộp là 17.000.000 đồng; T tự nguyện giao nộp là 9.860.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Đức T, Phạm Văn L, Nguyễn Thị L, Phạm Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trịnh Thị H 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo 25.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với T): Xử phạt Trịnh Thị V 12 tháng tù, Phạm Đức T 12 tháng tù; Phạm Văn L 09 tháng tù. Phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định Nguyễn Thị L 15 tháng tù phạt bổ sung 20.000.000 đồng, Phạm Văn H 18 tháng cải tạo không giam giữ phạt tiền 15.000.000 đồng và 5% thu nhập của các bị cáo Phạm Văn H, các bị cáo phải chịu án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/01/2020 các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T có đơn kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và xin cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V vắng mặt không có lý do nhưng vẫn không có văn bản thay đổi nội dung kháng cáo; các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Đức T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm xác định về hình thức đơn kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Sau khi phân tích vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào: Khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị H:

Căn cứ vào: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T;

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị H 36 tháng tù, được trừ 05 tháng 05 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 06/05/2019 đến 11/10/2019). Bị cáo Hải còn phải chấp hành 30 tháng 25 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Thị Hải 25.000.000 đồng.

Xử phạt các bị cáo Trịnh Thị V 12 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Thị V 20.000.000 đồng.

Xử phạt các bị cáo Phạm Đức T 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Đức T 20.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 09 tháng tù, được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 06/05/2019 đến 12/05/2019). Bị cáo L còn phải chấp hành 08 tháng 24 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn L 20.000.000 đồng.

Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Đức T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập 02 lần theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã mở phiên tòa vào các ngày 04/5/2020 nhưng bị cáo H không có mặt tại phiên tòa vì lý do bị bệnh, đang điều trị bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình; bị cáo V vắng mặt tại phiên tòa ngày 26/5/2020 không có lý do. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã 01 lần ra Quyết định hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay (26/5/2020), các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V.

[2] Xét lời khai của các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V tại các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Đức T tại phiên tòa phúc thẩm đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của Trịnh Thị H từ

ngày 09/04/2019 đến ngày 06/05/2019 đã có 28 lần trong 28 ngày mua bán số lô số đề và trả thưởng cho T1, V, L1, T, L, H. Trong đó có 13 ngày từ ngày 09/4/2019 đến ngày 21/04/2019 với tổng số tiền của mỗi ngày là dưới 5.000.000 đồng; 14 ngày từ ngày 22/4/2019 đến ngày 05/5/2019 với tổng số tiền mỗi ngày trên 5.000.000 đồng, riêng ngày 05/5/2019 với tổng số tiền là 59.917.000 đồng.

Tổng số tiền H đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô số đề và trả thưởng là 327.015.300 đồng.

Trịnh Thị V từ ngày 22/4/2019 đến ngày 03/5/2019 đã có 8 lần trong 08 ngày mua bán số lô, số đề và trả thưởng với Trịnh Thị H với tổng số tiền của mỗi ngày đều trên 5.000.000 đồng. Số tiền đánh bạc trong các lần, lần thấp nhất là 5.110.000 đồng và số tiền đánh bạc trong lần cao nhất là 22.520.000 đồng.

Phạm Đức T, ngày 14/6/2018 đã bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc song từ ngày 23/4/2019 đến ngày 06/5/2019 đã có 14 lần trong 14 ngày mua bán số lô, số đề và trả thưởng với Trịnh Thị H với tổng số tiền của mỗi ngày đều dưới 5.000.000 đồng.

Phạm Văn L trong hai ngày 5/5/2019 và ngày 6/5/2019 đã mua bán số lô, số đề và trả thưởng với Trịnh Thị H với tổng số tiền của mỗi ngày đều trên 5.000.000 đồng.

Hành vi nhắn tin trên điện thoại di động để mua bán các con số tự nhiên với nhau theo hình thức số lô, số đề rồi so sánh với kết quả xổ số, nhằm mục đích được thua bằng tiền của bị cáo Trịnh Thị H đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T: Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương với lý do bản án sơ thẩm đã quyết định mức phạt đối với các bị cáo là quá nặng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô số đề và trả thưởng với số tiền lớn, hoạt động công khai trong thời gian dài. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Vì vậy, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo H, V, L, T là phù hợp để răn đe cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng chống hoạt động cờ bạc qua hình thức số lô, số đề trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Các bị cáo H và T đã tự nguyện nộp một phần số tiền thu lợi bất chính song Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*tự nguyện khắc phục một phần hậu quả*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không đúng và không phù hợp mà chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T không đưa ra được tình tiết nào mới, khác với cấp sơ thẩm đã áp dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa

án nhân dân huyện Yên Khánh đối với các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T về phần hình phạt.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự

Căn cứ vào: Khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị H:

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T;

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị H 36 tháng tù, được trừ 05 tháng 05 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 06/05/2019 đến 11/10/2019). Bị cáo H còn phải chấp hành 30 tháng 25 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Thị H 25.000.000 đồng.

Xử phạt các bị cáo Trịnh Thị V 12 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Thị V 20.000.000 đồng.

Xử phạt các bị cáo Phạm Đức T 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Đức T 20.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 09 tháng tù, được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 06/05/2019 đến 12/05/2019). Bị cáo L còn phải chấp hành 08 tháng 24 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn L 20.000.000 đồng.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trịnh Thị H, Trịnh Thị V, Phạm Văn L, Phạm Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/05/2020.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao (01 bản);
- VKSND Cấp cao (01 bản);
- KTGD (01 bản);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
- Phòng HSNV – Công an Ninh Bình (01 bản);
- Tòa nhân dân Y (08 bản);
- VKSND Y (01 bản);
- Chi cục THA- Y (01 bản);
- Công an Y (01 bản);
- Bị cáo (04 bản);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Lưu phòng HCTP (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM / HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Đức Hiệp

